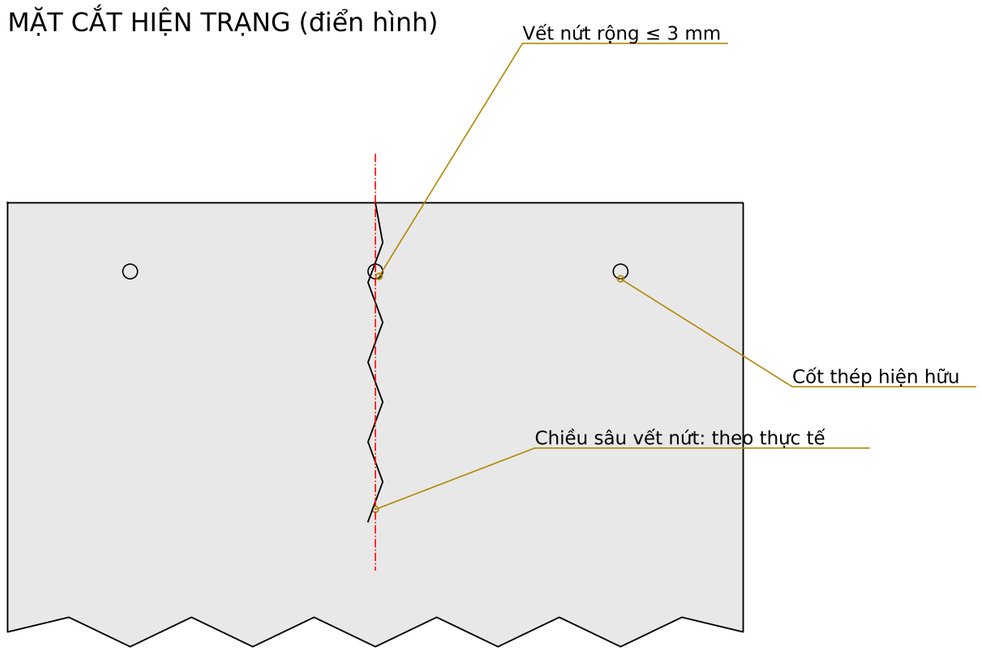
BV-01 – MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH HƯ HỎNG N1 – NỨT RỘNG ≤ 3 mm

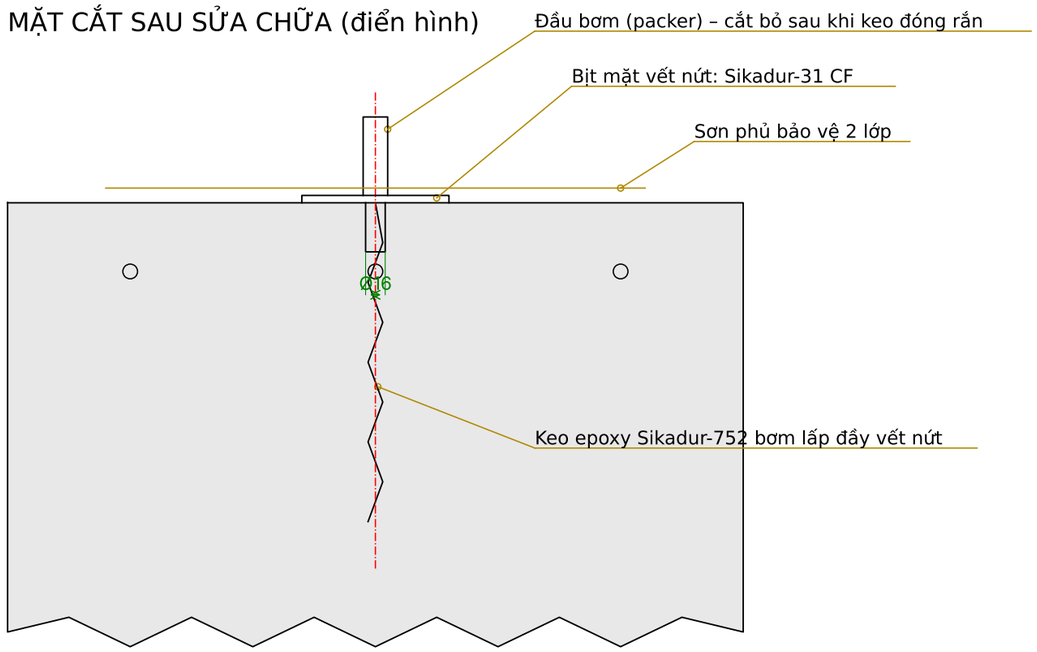
Áp dụng: U2, U5, U6, U8, U9, U11, U13 (07 vị trí) – Biện pháp: bơm keo epoxy áp lực thấp

MẶT CẮT HIỆN TRẠNG (điển hình)



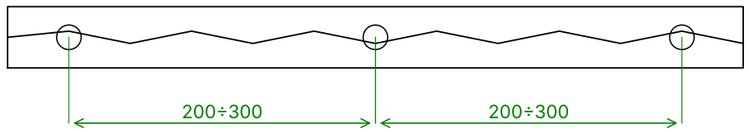
Kết cấu BTCT trụ đầu ụ / mố ụ – mặt ngoài kết cấu ở phía trên

MẶT CẮT SAU SỬA CHỮA (điển hình)



Kết cấu BTCT trụ đầu ụ / mố ụ – mặt ngoài kết cấu ở phía trên

MẶT ĐỨNG BỐ TRÍ ĐẦU BƠM (điển hình)



GHI CHÚ:

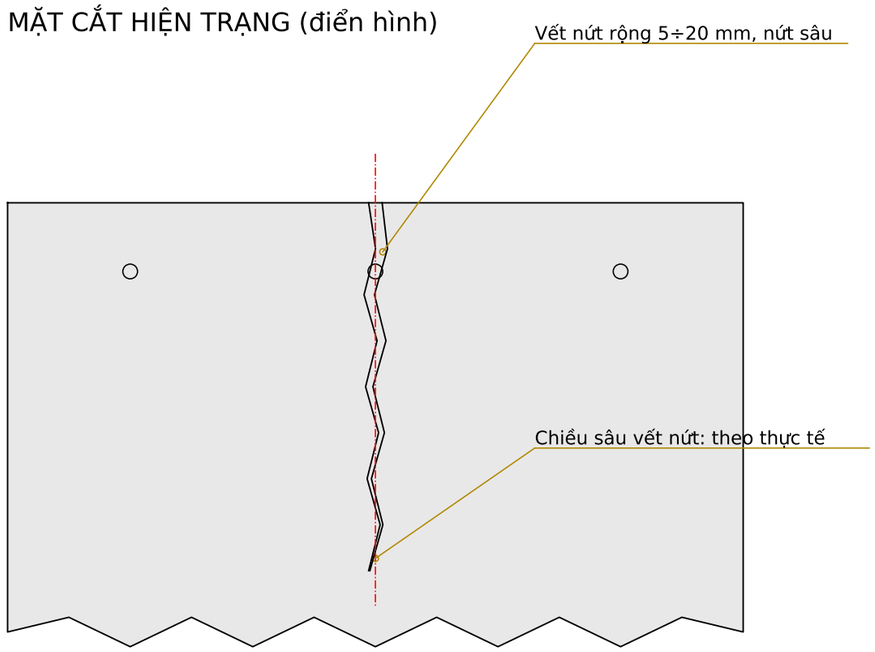
1. Làm sạch dọc vết nứt; khoan lỗ Ø16, gắn đầu bơm (packer) cách nhau 200÷300 mm.
2. Bịt kín mặt vết nứt bằng keo epoxy dạng vữa Sikadur-31 CF (hoặc tương đương).
3. Bơm keo epoxy độ nhớt thấp Sikadur-752 từ đầu bơm thấp lên cao đến khi keo trào ở đầu bơm kế tiếp.
4. Keo đóng rắn: cắt đầu bơm, mài phẳng, sơn phủ bảo vệ 2 lớp vùng sửa chữa.
5. Chiều sâu xử lý thể hiện là chiều sâu dự kiến theo biện pháp thi công và dự toán; chiều sâu thực tế xác định, nghiệm thu tại hiện trường.
6. Vật liệu hệ Sika hoặc tương đương, thi công theo chỉ dẫn kỹ thuật (TDS) của nhà sản xuất; trình mẫu vật liệu để Chủ đầu tư chấp thuận.
7. Khối lượng thanh toán theo thực tế nghiệm thu; vị trí, kích thước hư hỏng xem Báo cáo khảo sát VTSC-KS-2026/01.

CÔNG TY CP ĐÓNG TÀU & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU
GÓI 3 – SỬA CHỮA Ụ KHÔ 3.000DWT (phần BTCT)
BV-01: MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH HƯ HỎNG N1 – NỨT RỘNG ≤ 3 mm
Kèm Báo cáo VTSC-KS-2026/01 – Phụ lục bản vẽ
Đơn vị: mm | Tỷ lệ 1:5 (in A3) | Phòng Kỹ thuật VTSC

BV-02 – MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH HƯ HỎNG N2 – NỨT RỘNG 5÷20 mm

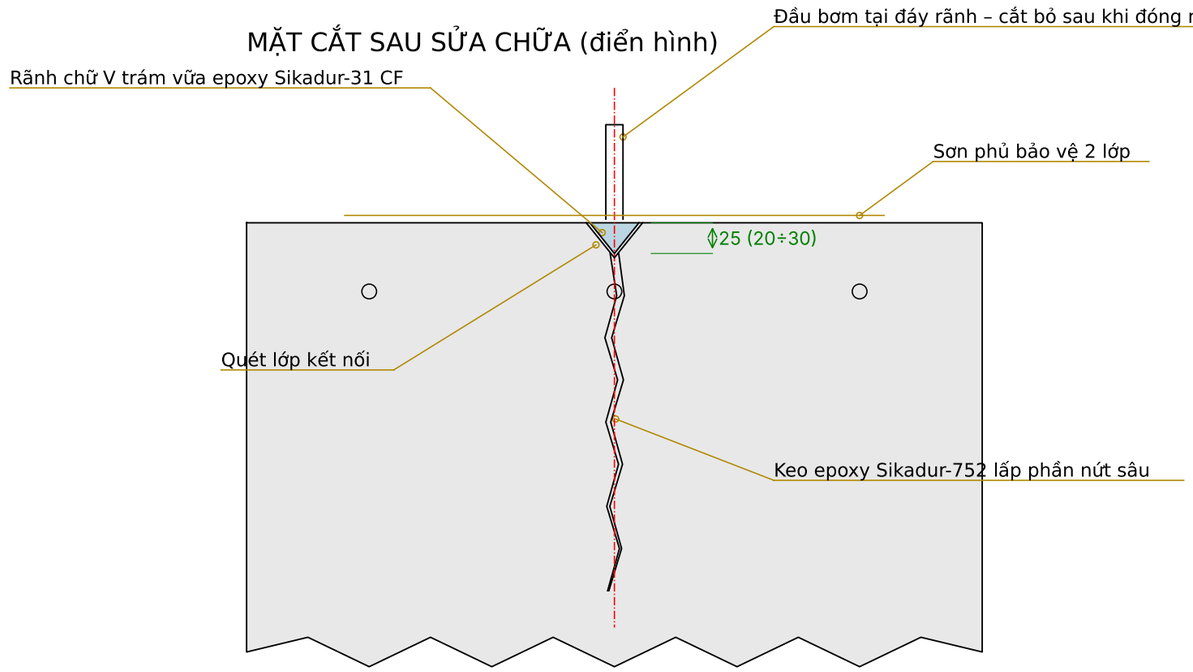
Áp dụng: U1 (rộng 10 mm, dài ~7 m), U7 (rộng 7 mm, dài 7 m) – Biện pháp: mở rãnh chữ V, bơm epoxy, trám vữa epoxy

MẶT CẮT HIỆN TRẠNG (điển hình)



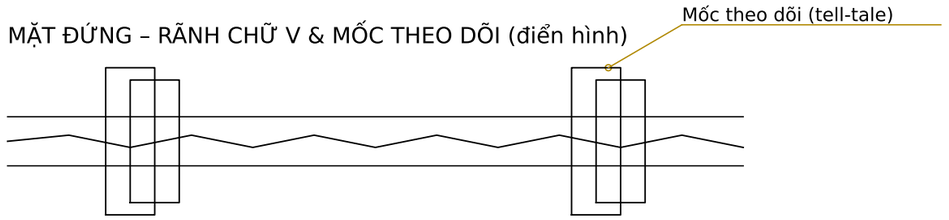
Kết cấu BTCT trụ đầu ụ / mố ụ – mặt ngoài kết cấu ở phía trên

MẶT CẮT SAU SỬA CHỮA (điển hình)



Kết cấu BTCT trụ đầu ụ / mố ụ – mặt ngoài kết cấu ở phía trên

MẶT ĐỨNG – RÃNH CHỮ V & MỐC THEO DÕI (điển hình)



GHI CHÚ:

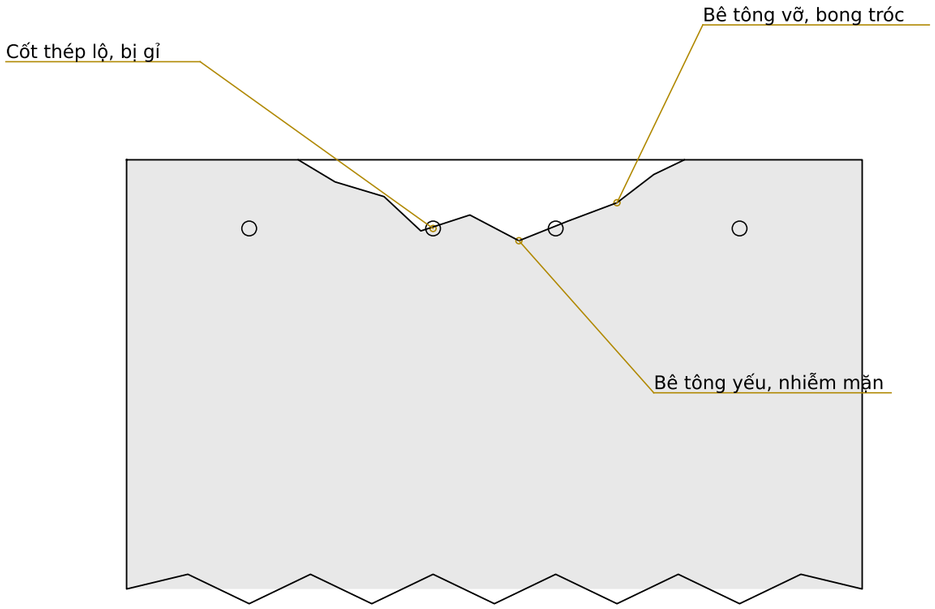
1. Đặt mốc theo dõi vết nứt (03 mốc/vết) trước khi sửa chữa.
2. Đục mở rộng rãnh chữ V dọc theo vết nứt, sâu dự kiến 25 mm (20÷30 mm), thổi sạch bụi.
3. Gắn đầu bơm tại đáy rãnh, bơm keo epoxy Sikadur-752 lấp phần nứt sâu bên trong.
4. Quét lớp kết nối, trám đầy rãnh bằng vữa epoxy Sikadur-31 CF; hoàn thiện bề mặt, sơn phủ bảo vệ 2 lớp.
5. Theo dõi mốc sau sửa chữa; nếu vết nứt tiếp tục phát triển: đánh giá bổ sung về kết cấu.
6. Chiều sâu xử lý thể hiện là chiều sâu dự kiến theo biện pháp thi công và dự toán; chiều sâu thực tế xác định, nghiệm thu tại hiện trường.
7. Vật liệu hệ Sika hoặc tương đương, thi công theo chỉ dẫn kỹ thuật (TDS) của nhà sản xuất; trình mẫu vật liệu để Chủ đầu tư chấp thuận.
8. Khối lượng thanh toán theo thực tế nghiệm thu; vị trí, kích thước hư hỏng xem Báo cáo khảo sát VTSC-KS-2026/01.

CÔNG TY CP ĐÓNG TÀU & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU
GÓI 3 – SỬA CHỮA Ụ KHÔ 3.000DWT (phần BTCT)
BV-02: MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH HƯ HỎNG N2 – NỨT RỘNG 5÷20 mm
Kèm Báo cáo VTSC-KS-2026/01 – Phụ lục bản vẽ
Đơn vị: mm | Tỷ lệ 1:5 (in A3) | Phòng Kỹ thuật VTSC

BV-03 – MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH HƯ HỎNG V1 – VỠ BÊ TÔNG, LỘ CỐT THÉP

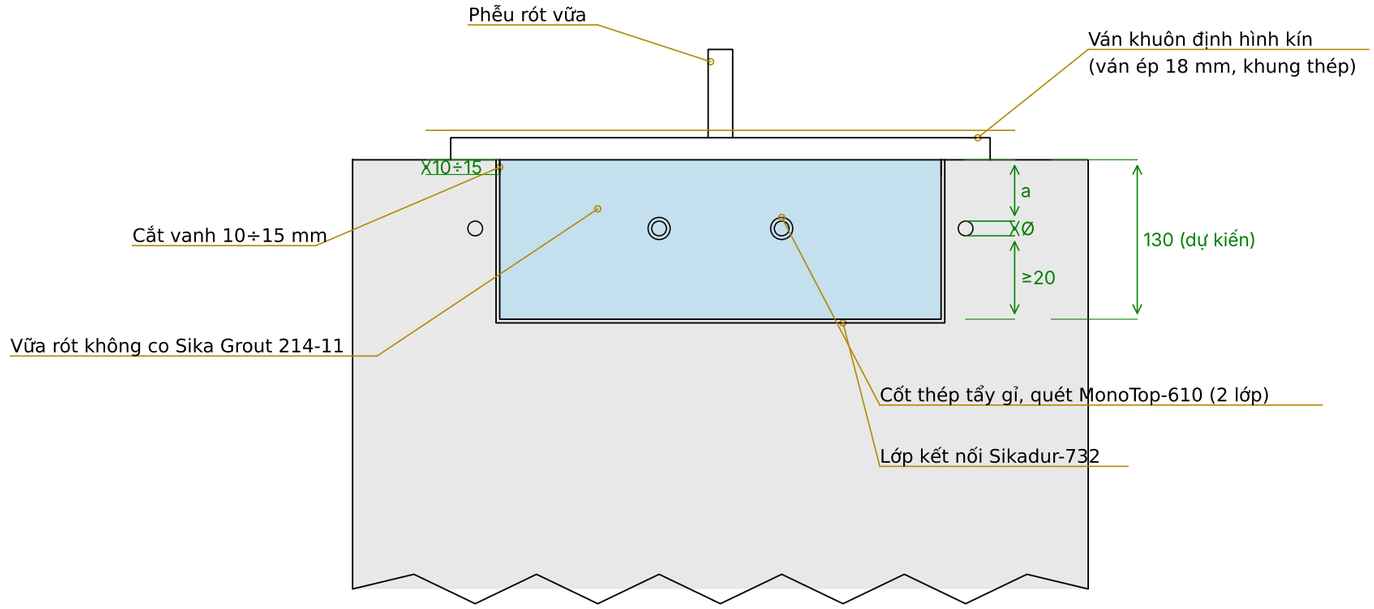
Áp dụng: U4, U10, U14, U22, m01 (05 vị trí) – Biện pháp: đục tẩy, xử lý cốt thép, phục hồi tiết diện bằng vữa rót không co

MẶT CẮT HIỆN TRẠNG (điển hình)



Kết cấu BTCT trụ đầu ụ / mố ụ – mặt ngoài kết cấu ở phía trên

MẶT CẮT SAU SỬA CHỮA (điển hình)



Kết cấu BTCT trụ đầu ụ / mố ụ – mặt ngoài kết cấu ở phía trên

Chiều sâu đục dự kiến h = 130 mm (theo dự toán), đảm bảo sâu qua mặt sau cốt thép ≥ 20 mm

a: lớp BT bảo vệ hiện hữu; Ø: đường kính cốt thép – chiều sâu thực tế nghiệm thu tại hiện trường.

GHI CHÚ:

1. Cắt vanh sâu 10÷15 mm; đục bỏ bê tông yếu đến bê tông chắc, sâu dự kiến 130 mm, sâu qua mặt sau cốt thép ≥ 20 mm.
2. Tẩy gỉ cốt thép; thay/bổ sung thép tại chỗ giảm tiết diện; quét Sika MonoTop-610 bảo vệ, ức chế ăn mòn cốt thép (2 lớp).
3. Quét lớp kết nối bê tông cũ – mới Sikadur-732; ghép ván khuôn định hình kín; rót vữa không co Sika Grout 214-11.
4. Bảo dưỡng ẩm tối thiểu 3 ngày; tháo ván khuôn, sơn phủ bảo vệ 2 lớp vùng sửa chữa.
5. Nghiệm thu bề mặt sau đục tẩy và cốt thép sau tẩy gỉ trước khi rót vữa. Vị trí góc trụ (U10, U14, U22): ván khuôn ôm 2 mặt; m01: đục mở kiểm tra cốt thép, xử lý nguồn thấm.
6. Chiều sâu xử lý thể hiện là chiều sâu dự kiến theo biện pháp thi công và dự toán; chiều sâu thực tế xác định, nghiệm thu tại hiện trường.
7. Vật liệu hệ Sika hoặc tương đương, thi công theo chỉ dẫn kỹ thuật (TDS) của nhà sản xuất; trình mẫu vật liệu để Chủ đầu tư chấp thuận.
8. Khối lượng thanh toán theo thực tế nghiệm thu; vị trí, kích thước hư hỏng xem Báo cáo khảo sát VTSC-KS-2026/01.

CÔNG TY CP ĐÓNG TÀU & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU
GÓI 3 – SỬA CHỮA Ụ KHÔ 3.000DWT (phần BTCT)
BV-03: MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH HƯ HỎNG V1 – VỠ BÊ TÔNG, LỘ CỐT THÉP
Kèm Báo cáo VTSC-KS-2026/01 – Phụ lục bản vẽ
Đơn vị: mm | Tỷ lệ 1:5 (in A3) | Phòng Kỹ thuật VTSC